

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA SÚP
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04 /2018/DS-ST

Ngày 07 - 5 - 2018

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA SÚP, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thông

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bành Trọng Bình

2. Bà Nguyễn Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hương, là thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Súp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Trần Dương Công – Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 5 năm 2018 tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Z xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 105/2018/TLST-DS ngày 28 tháng 11 năm 2017 về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2018/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 3 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2018/QĐST-DS ngày 16/4/2018 giữa các đương sự:

1. Đồng nguyên đơn: Ông **Hồ Văn C** – SN: 1976

Bà **Phạm Thị B** – SN: 1978

Cùng trú tại: Số 145 Hùng V, thị trấn Y, huyện Z, tỉnh Đắk Lắk. (Đều có mặt)

2. Bị đơn: Anh **Đặng Văn Đ** – SN: 19....

Địa chỉ: Thôn T, thị trấn Y, huyện Z, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 27 tháng 11 năm 2017 được bổ sung tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai ngày 18/12/2017 và tại phiên tòa đồng nguyên đơn ông Hồ Văn C và bà Phạm Thị B trình bày: Vào ngày 15/12/2016 vợ chồng ông Hồ Văn C và bà Phạm Thị B có bán cho anh Đặng Văn Đ trú tại thôn T, thị trấn Y, huyện Z, tỉnh Đắk Lắk một chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Exciter màu trắng đỏ với giá 49.000.000^d (*Bốn mươi chín triệu đồng*). Khi mua anh Đồng mới trả cho vợ chồng ông C và bà B được số tiền 35.500.000^d (*Ba mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng*) và anh Đ còn nợ lại vợ chồng ông C và bà B số tiền 13.500.000^d (*Mười ba triệu năm trăm nghìn đồng*) và anh Đ có hẹn đến ngày 25/12/2016 sẽ trả đủ cho vợ chồng ông C và bà B số tiền trên. Nhưng khi đến hẹn thì anh Đ đã không

chịu trả số tiền còn nợ cho vợ chồng ông C và bà B. Nay vợ chồng ông C và bà B làm đơn này yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Đặng Văn Đ phải trả cho vợ chồng ông C và bà B số tiền còn nợ khi mua xe máy là 13.500.000^d (*Mười ba triệu năm trăm nghìn đồng*) và số tiền lãi tính từ ngày quá hạn là 3%/tháng tính từ ngày 25/12/2016 đến ngày 25/11/2017 (= 4.455.000đ)

Trong quá trình Tòa án nhân dân huyện Z giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt nhiều lần, thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, niêm yết thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Đặng Văn Đ không đến để cung cấp tài liệu, chứng cứ cũng như tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên Tòa án không thể tiến hành các thủ tục theo quy định được. Vì vậy Tòa án nhân dân huyện Z đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết đã thực hiện đúng và đầy đủ quy định. Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm. Đối với việc tuân thủ của các đương sự: Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn C và bà Phạm Thị B buộc anh Đặng Văn Đ phải trả cho ông C và bà B tổng số tiền mua xe máy còn nợ là 13.500.000^d (*Mười ba triệu năm trăm nghìn đồng*), và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Anh Đặng Văn Đ đã được Tòa án giao các văn bản tố tụng nhưng anh Đ không đến Tòa án để giải quyết vụ án, chứng tỏ anh Đ đã từ bỏ quyền tham gia tố tụng và không thực hiện nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật nên Tòa án đã thực hiện niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Đặng Văn Đ.

2. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đồng nguyên đơn ông C và bà ông khởi kiện anh Đ yêu cầu trả số tiền mua xe máy còn nợ là 13.500.000^d (*Mười ba triệu năm trăm nghìn đồng*). Đây là quan hệ “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại thôn 08, thị trấn Ea Súp, huyện Z, tỉnh Đắk Lắk nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Z có thẩm quyền giải quyết.

3. Về áp dụng pháp luật: Do giao dịch dân sự hai bên được xác lập vào năm 2016 là thời điểm Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực nên áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết.

4. Về nội dung vụ án:

4.1. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hồ Văn C và bà Phạm Thị B, Hội đồng xét xử phân tích như sau: Theo lời khai của đồng nguyên đơn có trong hồ sơ và tại phiên tòa thì vào ngày 15/12/2016 vợ chồng ông Hồ Văn C và bà Phạm Thị B có bán cho anh Đặng Văn Đ trú tại thôn 08, thị trấn Y, huyện Z, tỉnh Đắk Lắk một chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Exciter màu trắng đỏ với giá 49.000.000^d (Bốn mươi chín triệu đồng). Khi mua anh Đ mới trả cho vợ chồng ông C và bà B được số tiền 35.500.000^d (Ba mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng) và anh Đ còn nợ lại vợ chồng ông C và bà B số tiền 13.500.000^d (Mười ba triệu năm trăm nghìn đồng) và anh Đ có hẹn đến ngày 25/12/2016 sẽ trả đủ cho vợ chồng ông C và bà B số tiền trên là có thật. Số tiền này đến nay anh Đ vẫn chưa trả cho ông C và bà B nên ông C và bà B là vi phạm nghĩa vụ trả tiền quy định tại khoản 1 Điều 440 của Bộ luật dân sự 2015. Vì vậy ông C, bà B khởi kiện yêu cầu anh Đ phải trả số tiền mua xe máy còn nợ gốc là 13.500.000^d (Mười ba triệu năm trăm nghìn đồng) là hoàn toàn có căn cứ cần chấp nhận.

4.2 Về lãi suất: Nguyên đơn ông Hồ Văn C và bà Phạm Thị B yêu cầu tính lãi từ ngày chậm trả là 3%/tháng tính từ ngày 25/12/2016 đến ngày 25/11/2017 = 4.455.000đ. Hội đồng xét xử nhận thấy là không phù hợp với quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy tính mức chậm trả theo mức lãi suất quy định của Ngân hàng nhà nước Việt Nam là 10.5%/năm tương đương 0,875%/tháng tính từ ngày 25/12/2016 đến ngày 25/11/2017 tương đương 11 tháng cụ thể như sau: $13.500.000^d \times 0,875\% \times 11 \text{ tháng} = 1.299.000^d$ (Một triệu hai trăm chín mươi chín nghìn ba trăm bảy mươi lăm đồng). Vậy tổng số tiền anh Đ mua xe máy còn nợ của ông C và bà B cả gốc lẫn lãi là: 14.799.000^d (Mười bốn triệu bảy trăm chín mươi chín đồng).

Bác một phần yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn với số tiền là 2.256.000đ vì đây là phần yêu cầu chưa phù hợp với quy định của pháp luật.

5. Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bị đơn anh Đặng Văn Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cụ thể là: $14.799.000^d \times 5\% = 740.000^d$ (Bảy trăm bốn mươi nghìn đồng).

Do một phần yêu cầu về tiền lãi của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 429, khoản 1 Điều 440 của Bộ luật dân sự 2015.

2. Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hồ Văn C, bà Phạm Thị B, buộc anh Đặng Văn Đ phải có trách nhiệm trả cho ông Hồ Văn C, bà Phạm Thị B số tiền mua xe máy còn nợ cả gốc và lãi là 14.799.000^d (Mười bốn triệu bảy trăm chín mươi chín đồng).

Bác một phần yêu cầu về tiền lãi của ông Hồ Văn C và bà Phạm Thị B số tiền là 2.256.000đ.

Trong trường hợp anh Đ chậm trả thì anh Đ còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất phát sinh do chậm trả được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc anh Đặng Văn Đ phải chịu 740.000^d (*Bảy trăm bốn mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Hồ Văn C và bà Phạm Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 338.000đ ông Hồ Văn C và bà Phạm Thị B đã nộp tại biên lai số 0004296 ngày 27/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Z. Trả lại cho ông C, bà B số tiền tạm ứng án phí là 38.000đ.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Z;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Tòa án tỉnh Đắk Lắk;
- Chi cục THADS huyện Z;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Thông